

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 99/2019/DS-ST

Ngày 23-10-2019

V/v : "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu;
2. Ông Nguyễn Văn Mầu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy P, tỉnh B Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1464/2019/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa 1631/2019/QĐST-DS, ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1973.

Trú tại: 01 N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Anh Hồ Thành P, sinh năm 1982, trú tại: 02 N, thành phố Q, tỉnh Bình Định - Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07.6.2019) Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Phùng M, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Bùi Thị Thanh D, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Anh Đặng Văn H, sinh năm 1968.

Trú tại: 03 N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh B là anh Hồ Thành P trình bày: Vào ngày 10/4/2017 (Nhằm ngày 11/3/2017 ÂL) anh Lê Phùng M có đến nhà chị Nguyễn Thị Thanh B hỏi vay 950.000.000đ, khi vay anh M có viết giấy vay vào trong sổ của chị B. Mặc dù trong giấy vay các bên không có ghi thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán nợ, nhưng các bên thỏa thuận miệng là tính lãi 3%/tháng và khi nào anh M đáo hạn ngân hàng xong sẽ thanh toán số nợ trên cho chị B. Anh M không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho chị B. Từ khi vay cho đến nay anh M đã trả lãi cho chị B đến tháng 3/2018, thì không trả lãi nữa, mặc dù chị B đã đến nhà đòi nhiều lần, nhưng anh M không trả nợ gốc và lãi. Nay chị B khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh D trả cho chị số tiền 950.000.000đ nợ gốc và tiền lãi tính từ tháng 4/2018 đến nay ngày 23/10/2019 với lãi suất theo quy định pháp luật 20%/năm. Do anh M vay tiền chị B để đáo hạn ngân hàng dùng tiền này vào mục đích kinh doanh phục vụ chung cho gia đình, nên chị B yêu cầu chị D vợ anh B cùng có trách nhiệm trả nợ chung.

Vắng mặt tại tòa hôm nay, nhưng tại bản tự khai ngày 21.6.2019 và biên bản ghi lời khai đương sự ngày 21.6.2019, bị đơn anh Lê Phùng M trình bày: Nguyên trước đây anh làm nghề tài xế xe tải chuyển chở hàng cho chị Nguyễn Thị Thanh B, nên từ đầu năm 2016 anh có vay tiền của chị B nhiều lần, mục đích vay về cho những người khác vay lại lấy tiền lãi chênh lệch. khi vay các bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng. Đến ngày 11.3.2017 (AL) tức ngày 10.4.2017 hai bên chốt sổ, anh còn nợ chị B 950.000.000đ (Chín trăm năm mươi triệu đồng). Anh viết giấy nhận nợ, khi vay anh không cầm cố thế chấp tài sản gì cho chị B, mặc dù trong giấy vay các bên không ghi thỏa thuận lãi suất, nhưng thực tế các bên vẫn thỏa thuận lãi là 3%/tháng và anh đã trả lãi cho chị B từ khi vay cho đến 3/2018, thì không còn khả năng trả lãi nữa. Vì những người vay tiền của anh bỏ trốn không chịu thanh toán nợ cho anh, nên anh không còn khả năng trả lãi cho chị B.

Nay chị B khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả nợ gốc 950.000.000đ, anh công nhận hiện còn nợ số nợ trên, nhưng vì điều kiện gia đình anh khó khăn, xin trả dần số nợ trên trong thời gian 03 năm, mỗi năm trả 300.000.000đ, thời gian trả nợ bắt đầu từ tháng 6/2020 trả 300.000.000đ, tháng 6/2021 trả 300.000.000đ, tháng 6/2022 trả 350.000.000đ.

Đối với số tiền lãi chị B yêu cầu anh trả từ tháng 4/2018 đến nay, theo lãi suất 3%/tháng. Anh công nhận thời gian anh chưa thanh toán lãi như chị B trình bày là đúng, nhưng hiện tại anh đang gặp khó khăn xin chị B không trả lãi nữa, vì từ khi vay tiền của chị B từ năm 2016 đến tháng 3/2018 anh luôn trả lãi đầy đủ. Mặc dù trong khoảng thời gian đó một số người anh cho vay tiền đã bỏ trốn không chịu trả lãi cho anh. Nếu chị B không đồng ý cho tiền lãi, thì anh yêu cầu Tòa cho anh trả lãi với lãi suất pháp luật quy định 20%/năm. Anh vay tiền của chị B về cho những người khác vay lại chứ không có đưa cho vợ dùng số tiền vay này vào mục đích kinh doanh hay chi tiêu, mua sắm gì trong gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn H thống nhất yêu cầu trình bày chị B, anh không có yêu cầu trình bày gì khác.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thanh D: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án. Chị D không đến Tòa và cũng không nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh D cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh B, anh Đặng Văn H số tiền nợ gốc 950.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 4/2018 đến ngày xét xử theo lãi suất quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của tòa án và thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là anh Lê Phùng M đang cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định; Vụ án không có yếu tố nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã triệu tập bị đơn anh Lê Phùng M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thanh D hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng anh M, chị D vắng mặt không có lý do nên

căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M, chị D.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh B, yêu cầu vợ chồng anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh D trả cho vợ chồng chị số tiền nợ gốc 950.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 10.4.2017 do nguyên đơn chị B xuất trình và phía bị đơn anh M cũng công nhận chữ ký trong giấy vay tiền trên và thừa nhận từ đầu năm 2016 anh có vay tiền của chị B nhiều lần, mục đích vay về cho những người khác vay lại lấy tiền lãi chênh lệch. Khi vay các bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng. Đến ngày 11.3.2017 (AL) tức ngày 10.4.2017 hai bên chốt sổ, anh còn nợ chị B 950.000.000đ (Chín trăm năm mươi triệu đồng), đến nay chưa thanh toán. Nội D giấy vay tiền trên là phù hợp pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Số tiền vay này, anh M dùng vào mục đích đầu tư làm ăn, kinh doanh phục vụ cuộc sống chung của gia đình, nên căn cứ vào Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015 buộc vợ chồng anh M, chị D cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị B, anh H số tiền 950.000.000đ là phù hợp với quy định pháp luật.

- Xét yêu cầu của M xin trả dần số nợ trên mỗi năm 300.000.000đ tuy nhiên tại Tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý phương thức trả nợ trên, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, yêu cầu vợ chồng anh M, chị D phải trả lãi từ tháng 4/2018 cho đến nay theo lãi suất 20%/năm. Anh M cũng công nhận chưa thanh toán số tiền lãi từ thời gian nói trên. Nếu chị B không đồng ý cho anh xin trả lãi, thì anh đồng ý trả lãi cho chị B từ tháng 4/2018 đến nay theo lãi suất 20%/năm. Việc yêu cầu tính lãi của người đại diện nguyên đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận: Cụ thể tiền lãi từ 4/2018 đến ngày xét xử 23/10/2019 là 18 tháng 23 ngày, được tính như sau:

+Tiền lãi tính từ tháng 4/2018 đến tháng 3/2019 là 12 tháng là $950.000.000đ \times 20\%/năm = 190.000.000đ$.

+Tiền lãi tính từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019 là 06 tháng là $(950.000.000đ \times 20\%/năm):2 = 95.000.000đ$.

+Tiền lãi tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày xét xử, ngày 23/10/2019 là 23 ngày: $(950.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 23 \text{ ngày}): 30 \text{ ngày} = 12.138.000đ$.

Tổng cộng tiền lãi $190.000.000đ + 95.000.000đ + 12.138.000đ = 297.138.000đ$.

[4] *Về án phí:*

- Vợ chồng anh M, chị D phải chịu $[36.000.000đ + (447.138.000đ \times 3\% = 13.414.000đ)] = 49.414.000đ$ sung Ngân sách nhà nước; Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị Thanh B.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26,35,39,227,228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463,466,468,469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh B:

1. Buộc vợ chồng anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh D cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh B, anh Đặng Văn H với số tiền 1.247.138.000đồng (Một tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng); Trong đó nợ gốc 950.000.000đồng, tiền lãi 297.138.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh Dững cùng phải chịu 49.414.000đ (Bốn mươi chín triệu, bốn trăm mười bốn nghìn đồng) án phí sung ngân sách nhà nước. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Thanh B 26.230.000đồng (Hai mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002989, ngày 30-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh B được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 23/10/2019). Anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh D và anh Đặng Văn H vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quý Phúc